

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày 02-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Á
- Ông Nguyễn Hữu Tố

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, Đường B, khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trần T, sinh năm 1970

bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1978 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, Đường N, khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Ông T đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà M trình bày: Vợ chồng bà N ông T mượn của bà tổng số tiền 650.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 15/02/2023 mượn 80.000.000 đồng, ngày 28/02/2023 mượn 80.000.000 đồng, ngày 04/3/2023 mượn 80.000.000 đồng,

ngày 06/7/2023 mượn 70.000.000 đồng, ngày 19/7/2023 mượn 340.000.000 đồng. Có viết giấy mượn do bà **N** ký tên, bà **N** ký tên chồng là **T** vào giấy nợ. Đến nay đã quá hạn trả nợ, bà cũng đòi nhiều lần nhưng bà **N** ông **T** không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà **N** ông **T** trả số tiền 650.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

- *Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà **N** trình bày:* Bà có mượn của bà **M** số tiền 650.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền và số tiền như bà **M** trình bày là đúng. Chữ ký **T** trong giấy mượn là do bà ký chứ ông **T** không trực tiếp mượn và cũng không biết việc mượn tiền. Bà mượn tiền của bà **M** để đầu tư máy móc làm bao bì do vợ chồng bà kinh doanh, có giấy phép đăng ký kinh doanh. Việc vay tiền có thỏa thuận lãi nhưng chỉ nói miệng chứ không ghi trong giấy mượn. Thời gian qua bà đã gọi bán nhà để lấy tiền trả nợ nhưng cận Tết người mua không đưa số tiền nhiều ngay được nên hẹn qua Tết. Bà xin bà **M** cho bà thêm thời gian để qua Tết bà bán nhà sẽ trả ngay cho bà **M**, bà không có tranh chấp gì về lãi.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2023, bị đơn ông **T** trình bày:* Ông là chồng của bà **N**. Ông không biết bà **M** là ai, cũng không biết về số tiền 650.000.000 đồng nợ của bà **M**. Ông không ký tên vào các giấy mượn tiền của bà **M**. Việc vay mượn tiền là của bà **M** và vợ ông, ông không biết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **M**, buộc vợ chồng ông **T** bà **N** liên đới trả cho bà **M** số tiền 650.000.000 đồng. Về án phí, vợ chồng ông **T** bà **N** phải chịu theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông **T** đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Căn cứ theo các giấy mượn tiền do bà **M** cung cấp và sự thừa nhận của bà **N**, xác định bà **N** đã trực tiếp vay của bà **M** tổng số tiền 650.000.000 đồng.

Theo nội dung các giấy mượn tiền mà bà **N** đã ký với bà **M** thì việc vay tiền giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có kỳ hạn và không có lãi. Khi đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận và bà **M** đòi nhưng bà **N** không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

[4] Bà **N** trực tiếp vay tiền và tự ký tên của ông **T** nhưng mục đích vay tiền là để đầu tư kinh doanh sản xuất bao bì chung của vợ chồng bà và việc kinh doanh nhằm để tạo thu nhập, phát triển kinh tế gia đình. Ông **T** cho rằng không biết việc bà **N** vay tiền nhưng cũng không chứng minh được bà **N** sử dụng tiền vay vào việc riêng. Vì vậy, vợ chồng bà **N** ông **T** có nghĩa vụ chung đối với số tiền vay và phải liên đới trả cho bà **M** số tiền 650.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.000.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 288, 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Phạm Thị M.** Buộc vợ chồng bà **Trần Thị Bích N** ông **Trần T** phải liên đới trả cho bà **Phạm Thị M** số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Vợ chồng bà **Trần Thị Bích N** ông **Trần T** phải chịu 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Khi thụ lý vụ án, bà **Phạm Thị M** là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét việc trả lại.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng